

Bản án số: 539/2024/HSPT
Ngày: 18/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tôn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Hòa Bình**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 520/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Hồ Thị Hương L**, bị cáo **Dương Tất C** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HSST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2023/2024/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024.

*** Bị cáo bị kháng nghị:**

1. Hồ Thị Hương L, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1989 tại: Quảng Trị; Nơi cư trú: **Khu phố B, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng; Con ông **Hồ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị L1**; Chồng: **Dương Tất C** (bị cáo trong cùng vụ án). Con: 01, sinh năm 2014. Tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Tất C, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1989 tại: Quảng Trị; Nơi cư trú: **Khu phố B, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ đá G; Con ông Dương H và bà Phan Thị H1 (đã chết); Vợ: Hồ Thị Hương L (bị cáo trong cùng vụ án). Con: 01, sinh năm 2014. Tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo hiện nay đã đi chấp hành án tại Trại giam N5, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Hương L:* Ông Nguyễn Đức T- Luật sư thuộc Văn Phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: B- H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Tất C:* Ông Lý Tấn T1- Luật sư thuộc Văn Phòng L4, Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: C- L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt và có luận cứ bào chữa kèm theo.

*** Bị hại:**

- Bà Nguyễn Thị Thảo D; sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Hoàng Văn S; sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, vắng mặt.

- Bà Phan Thị Thu H1; sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, có mặt.

- Ông Phan Thanh D1; sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Sỹ P; sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thị xã Q (Hiện đang bị tạm giam tại Công an quận B), vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thành T2; sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố B, Phường B, thị xã Q, vắng mặt.

- Bà Văn Thị Kim N; sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố B, Phường B, thị xã Q, vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị L2; sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, vắng mặt.

Ngoài ra, còn triệu tập thêm một số đương sự liên quan đến kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

1. Bà Nguyễn Thị Tố N1; địa chỉ: khu phố B, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Bà **Lê Cẩm Phương N2**; địa chỉ: **tiểu khu C, thị trấn Á, huyện T, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.
3. Bà **Nguyễn Thị Ái V**; địa chỉ: **khu phố B, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.
4. Bà **Bùi Thị Ánh T3**; địa chỉ: **khu phố A, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.
5. Ông **Võ Hoàng Lê N3**; địa chỉ: **khu phố C, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.
6. Bà **Phan Thị Thanh N4**; không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 đến năm 2021, **Hồ Thị Hương L** là nhân viên **Ngân hàng A Chi nhánh huyện T, Quảng Trị**, **Dương Tất C** kinh doanh xưởng đá Granite. Trong thời gian này, **C** nhiều lần tham gia đánh bạc trực tuyến qua mạng internet và kinh doanh. Do thua lỗ nên vợ chồng **L** và **C** nợ tiền của nhiều người với tổng số tiền khoảng 10 tỷ đồng nên không có khả năng trả nợ. Đầu năm 2022, để có tiền trả nợ, **L** đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để đáo hạn ngân hàng, nên đã làm cho nhiều người khác tin tưởng cho vay. Sau khi nhận được tiền vay, **L, C** sử dụng để trả nợ cho những người cho vay trước đó và một phần **C** dùng trả nợ tiền tham gia đánh bạc trực tuyến. Đến cuối năm 2022, **L** và **C** thông báo cho các chủ nợ biết về việc mất khả năng trả nợ và sau đó đến cơ quan chức năng đầu thú về hành vi của mình, cụ thể:

1. Chiếm đoạt 600.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thảo D (sinh năm 1991; trú tại **thôn N, xã T, huyện T**)

Ngày 02/11/2022, **Hồ Thị Hương L** đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bà **Nguyễn Thị Thảo D** tin tưởng đồng ý cho **L** vay 600.000.000 đồng (Ngày 02/11/2022 chuyển vào tài khoản của **L** 150.000.000 đồng, ngày 03/11/2022 chuyển thêm 450.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, **L** dùng số tiền trên để trả nợ cho ông **Nguyễn Thành T2**.

2. Chiếm đoạt 998.000.000 đồng của ông Hoàng Văn S (sinh năm 1976; trú tại **thôn V, xã T, huyện T**):

Từ ngày 06/6/2022 đến ngày 19/10/2022, **L** đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, ông **S** tin tưởng đồng ý cho **L** vay nhiều lần, với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng, nhưng cắt trước 2.000.000 đồng tiền lãi (Ngày 06/6/2022 và 11/10/2022 chuyển vào tài khoản của **C** 550.000.000 đồng; ngày 17 và 19/10/2022 chuyển vào tài khoản của **L** 448.000.000 đồng). Sau khi nhận được 998.000.000 đồng, **L** và **C** dùng số tiền trên chủ yếu để trả nợ cho bà **Văn Thị Kim N**, **Nguyễn Thị H2**, **Nguyễn Thị Ái V** và ông **Võ Hoàng Lê N3**, ngoài ra **C** dùng một phần để đánh bạc trực tuyến.

3. Chiếm đoạt 870.000.000 đồng của bà Phan Thị Thu H1 (sinh năm 1986; trú tại khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị)

Từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/8/2022, **L** đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bà **H1** tin tưởng đồng ý cho **L** vay nhiều lần, với tổng số tiền là 1.290.000.000 đồng (Toàn bộ số tiền trên được chuyển đến tài khoản của **C** vào các ngày 29/4/2022, 04/5/2022, 10/6/2022, 01/7/2022, 05/8/2022, 12/8/2022 và 25/8/2022). Sau khi nhận được tiền, **L** và **C** dùng số tiền trên chủ yếu để trả nợ cho bà **Nguyễn Thị Tố N1**, **Hoàng Thị L2**, **Nguyễn Thị Ái V**, ông **Nguyễn Thành T2** và một số người khác, ngoài ra **C** dùng một phần để đánh bạc trực tuyến. Trong thời gian này, **L2** và **C** đã chuyển khoản trả cho bà **H1** 420.000.000 đồng tiền gốc và 256.180.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn lại là 870.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt 3.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1963; trú tại thôn T, xã T, huyện T)

Từ ngày 15/9/2022 đến ngày 08/11/2022, **L2** đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bà **H2** tin tưởng đồng ý cho **L2** vay nhiều lần, với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng (ngày 15/9/2022 cho vay 200.000.000 đồng; ngày 03/10/2022 cho vay 400.000.000 đồng; ngày 03/11/2022 cho vay 1.500.000.000 đồng; ngày 8/11/2022 cho vay 900.000.000 đồng), trong đó có 900.000.000 đồng được chuyển đến tài khoản ngân hàng của **Dương Tất C**. Sau khi nhận được tiền vay, **L2** và **C** đã sử dụng số tiền trên trả nợ cho ông **Nguyễn Thành T2**, **Võ Hoàng Lê N3** và bà **Phan Thị Thanh N4**, **Lê Cẩm Phương N2**, **Bùi Thị Ánh T3**, **Nguyễn Thị Tố N1** và **Văn Thị Kim N**.

5. Chiếm đoạt 10.600.000.000 đồng của ông Phan Thanh D1 (sinh năm 1988; trú tại thôn N, xã T, huyện T)

Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 04/11/2022, **L2** đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, ông **D1** tin tưởng đồng ý cho **L2** vay nhiều lần, với tổng số tiền là 27.400.000.000 đồng (số tiền trên đều được chuyển đến tài khoản ngân hàng của **L2**). Nhận được tiền vay, **L2** đã sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Sau đó, **L2** và **C** đã chuyển khoản trả cho ông **D1** 18.800.000.000 đồng, trong đó

16.800.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc còn lại là 10.600.000.000 đồng.

6. Chiếm đoạt 10.400.000.000 đồng của ông Nguyễn Sỹ P (sinh năm 1990; trú tại khu phố A, Phường B, thị xã Q)

Từ ngày 08/9/2021 đến ngày 27/10/2023, L2 đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, ông P tin tưởng đồng ý cho L2 vay nhiều lần với tổng số tiền 58.150.000.000 đồng (toàn bộ số tiền trên được chuyển đến tài khoản của C). Nhận được tiền vay, L2 đã sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Sau đó, L2 và C đã trả cho ông P 53.811.100.000 đồng (trong đó 47.750.000.000 đồng tiền gốc và 6.061.100.000 đồng tiền lãi). Số tiền gốc còn lại là 10.400.000.000 đồng.

7. Chiếm đoạt 12.100.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành T2 (sinh năm 1990; trú tại khu phố B, Phường B, thị xã Q)

Từ ngày 23/3/2022 đến ngày 08/11/2022, L2 đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, ông T2 tin tưởng đồng ý cho L2 vay nhiều lần với tổng số tiền 110.853.200.000 đồng (số tiền trên được chuyển vào tài khoản của L2 và C). Nhận được tiền vay, L2 và C đã sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Sau đó, L2 và C đã chuyển trả cho ông T2 là 103.013.000.000 đồng (trong đó có 98.753.200.000 đồng tiền gốc và 4.259.800.000 đồng tiền lãi).

Ngày 09/11/2022, L2, C và T2 xác định tổng số tiền gốc còn lại là 12.100.000.000 đồng và viết “GIẤY CAM KẾT VAY TIỀN” để xác nhận nợ.

8. Chiếm đoạt 6.900.000.000 đồng của bà Văn Thị Kim N (sinh năm 1989; trú tại khu phố B, Phường B, thị xã Q)

Từ ngày 25/8/2021 đến ngày 07/11/2022, L2 đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bà N tin tưởng đồng ý cho L2 vay nhiều lần với tổng số tiền 87.018.200.000 đồng (từ ngày 25/8/2021 đến ngày 07/11/2022, chuyển đến tài khoản ngân hàng của L2 3.970.000.000 đồng; từ ngày 25/8/2021 đến ngày 04/11/2022, chuyển đến tài khoản của C 83.048.200.000 đồng). Nhận được tiền vay, L2 và C đã sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Sau đó, L2 và C đã trả tiền gốc và lãi cho bà N 89.766.005.000 đồng.

Ngày 10/11/2022, L2, C và bà N xác định tổng số tiền gốc còn lại là 6.900.000.000 đồng và viết “GIẤY MƯỢN TIỀN” để xác nhận nợ.

9. Chiếm đoạt 4.600.000.000 đồng của bà Hoàng Thị L2 (sinh năm 1979; trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố Đ)

Từ ngày 25/8/2020 đến ngày 10/11/2022, L2 đã đưa ra thông tin vay tiền để đáo hạn ngân hàng và kinh doanh, bà Hoàng Thị L2 tin tưởng đồng ý cho L2 vay nhiều lần với tổng số tiền 39.601.985.940 đồng (Trong đó, năm 2022, là

31.522.560.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản của C). Nhận được tiền vay, L2 và C đã sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác. Sau đó, L2, C đã trả bà Hoàng Thị L2 tiền gốc và lãi là 51.347.601.600 đồng (Trong đó, năm 2022 là 26.922.560.000 đồng). Đến tháng 11/2022, L2, C còn nợ bà Hoàng Thị L2 số tiền gốc là 4.600.000.000 đồng

Bản Kết luận giám định số 177/KL-KTHS ngày 12/01/2024 của Phòng K-Công an tỉnh Q kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu gửi giám định (Giấy mượn tiền ngày 10/11/2022 và Giấy bàn giao tài sản cho bà Văn Thị Kim N; Giấy cam kết vay tiền ngày 09/11/2022 vay ông Nguyễn Thành T2; Giấy mượn tiền ngày 09/5/2022 vay ông Nguyễn Sỹ P; 05 Giấy mượn tiền do bà Hoàng Thị L2 giao nộp) là của Hồ Thị Hương L, Dương Tất C và của những người cho vay Văn Thị Kim N, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Sỹ P.

Vật chứng và tài liệu thu giữ:

* Hồ Thị Hương L và Dương Tất C giao nộp:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 6;
- 01 xe ô tô nhãn hiệu: MAZDA, biển kiểm soát (BKS) 74A-088.60 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS tự nguyện;
- 01 xe ô tô tải hiệu KIA BKS 74C-111.06 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS tự nguyện;

* Ông Hoàng Văn S giao nộp:

- 01 bản photo "Giấy mượn tiền" ngày 01/10/2022;
- 01 bản photo "Giấy mượn tiền" ngày 17/10/2022;
- 02 bản photo Hợp đồng tín dụng;
- 12 tờ giấy A4 trích xuất nội dung tin nhắn qua Zalo giữa L và ông S

* Bà Phan Thị Thu H1 giao nộp:

- 04 tờ giấy A4 có in hình ảnh tin nhắn qua zalo giữa bà H1 và L;
- 02 Sổ phụ, sao kê lịch sử giao dịch qua tài khoản ngân hàng A của bà Thu H1;
- 32 tờ giấy A4 có in hình ảnh tin nhắn qua Zalo giữa bà H1 và L;

* Bà Văn Thị Kim N giao nộp:

- 01 giấy mượn tiền ngày 10/11/2022;

- 01 giấy bàn giao tài sản;
- 60 tờ in các nội dung tin nhắn qua Viber giữa bà **N** và **L**;

* Bà **Hoàng Thị L2** giao nộp:

- 01 Giấy mượn tiền ngày 01/01/2022; 01 Giấy mượn tiền ngày 01/01/2022; 01 Giấy mượn tiền ngày 26/10/2022; 01 Giấy mượn tiền ngày 26/10/2022; 01 Giấy mượn tiền ngày 26/10/2022;

- 01 tập tài liệu gồm 03 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn qua điện thoại giữa bà **L2** với **C**;

- 01 (một) tập tài liệu gồm 12 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn qua điện thoại giữa bà **Hoàng Thị L2** với **Hồ Thị Hương L**;

- 13 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn zalo giữa bà **Hoàng Thị L2** với **Hồ Thị Hương L**

* Ông **Nguyễn Sỹ P** giao nộp:

- 01 Giấy mượn tiền ngày 09/5/2022;
- 04 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn zalo giữa **L** và ông **P**.

* Bà **Nguyễn Thị H2** giao nộp:

- 03 Ủy nhiệm chi của **ngân hàng A** ngày 13/8/2022; 15/9/2022; 03/10/2022;

- 01 chứng từ giao dịch của **ngân hàng A** ngày 03/11/2022;

* Ông **Nguyễn Thành T2** giao nộp: 01 Giấy cam kết vay tiền ngày 09/11/2022.

* Ông **Phan Thanh D1** giao nộp: 197 tờ giấy A4 in nội dung tin nhắn zalo giữa ông **D1** và bà **L**;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HSST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo **Hồ Thị Hương L, **Dương Tất C** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.**

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hồ Thị Hương L 20 (Hai mươi)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/3/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Dương Tất C 12** (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho các bị hại là 50.068.000.000 đồng, trong đó bị cáo **L** có nghĩa vụ trả nợ cho các bị hại số tiền: 32.283.000.000 đồng và bị cáo **C** có nghĩa vụ trả nợ cho các bị hại số tiền 17.785.000.000 đồng, cụ thể:

- Buộc **Hồ Thị Hương L** trả nợ cho bà **Nguyễn Thị Thảo D** là 600.000.000 đồng và ông **Phan Thanh D1** là 10.600.000.000 đồng.

- Buộc **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** liên đới trả trả số tiền chiếm đoạt cho các bị hại:

+ Bà **Phan Thị Thu H1** 870.000.000 đồng;

+ Ông **Nguyễn Sỹ P** 10.400.000.000 đồng;

+ Bà **Văn Thị Kim N** 6.900.000.000 đồng;

+ Bà **Hoàng Thị L2** 4.600.000.000 đồng.

- Buộc **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** trả số tiền chiếm đoạt cho ông **Nguyễn Thành T2** 12.100.000.000 đồng, trong đó **L** có nghĩa vụ 6.425.000.000 đồng, **C** có nghĩa vụ 5.675.000.000 đồng.

- Buộc bà **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** trả số tiền chiếm đoạt cho bà **Nguyễn Thị H2** 3.000.000.000 đồng; trong đó **L** có nghĩa vụ 2.550.000.000 đồng, **C** có nghĩa vụ 450.000.000 đồng.

- Buộc **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** trả số tiền chiếm đoạt cho ông **Hoàng Văn S** 998.000.000 đồng; trong đó **L** có nghĩa vụ 723.000.000 đồng, **C** có nghĩa vụ 275.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng Quyết định kháng nghị số 56/QĐ-VC2 với nội dung hủy một phần bản án sơ thẩm nêu trên về phần trách nhiệm dân sự để xét xử sơ thẩm lại, đưa 06 người gồm: **Nguyễn Thị Ái V**; **Võ Hoàng Lê N3**; **Nguyễn Thị Tố N1**, **Phan Thị Thanh N4**; **Lê Cẩm Phương N2**; **Bùi Thị Ánh T3**, tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan và buộc những người này có trách nhiệm phải trả lại số tiền thực nhận cho các bị hại **Hoàng Văn S**, **Phan Thị Thu H1**, **Nguyễn Thị H2**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[1] Xét Quyết định kháng nghị số 56/QĐ-VC2 ngày 30/8/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Từ đầu năm 2022, **L** đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối với các bị hại là có nhu cầu vay tiền của họ để làm đảo lộn ngân hàng và kinh doanh đá **G** cùng gia đình nhằm được các bị hại tin tưởng, đồng ý cho vay tiền. Sau đó **L**, **C** chiếm đoạt để trả nợ cho các khoản vay khác của mình. Bằng thủ đoạn hứa hẹn sẽ trả tiền lãi đối với các khoản vay với mức lãi suất cao, thực hiện hoạt động trả tiền gốc, tiền lãi cho các bị hại đúng thỏa thuận sau đó **Hồ Thị Hương L** chiếm đoạt của 9 bị hại với số tiền **50.068.000.000** đồng. Trong đó chiếm đoạt:

C sử dụng tài khoản của **C** để nhận số tiền: **35.570.000.000 đồng**. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** phạm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về trách nhiệm dân sự buộc **Hồ Thị Hương L** và **Dương Tất C** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho các bị hại theo từng khoản vay. Trong đó bị cáo **L** có nghĩa vụ trả nợ cho các bị hại số tiền: 32.283.000.000 đồng và bị cáo **C** có nghĩa vụ trả nợ cho các bị hại số tiền 17.785.000.000 đồng.

Tuy nhiên; đối với số tiền 998.000.000 đồng chiếm đoạt của bị hại **Hoàng Văn S** thì bị cáo **L** và bị cáo **C** dùng số tiền trên để trả nợ cho bà **Văn Thị Kim N**, **Nguyễn Thị H2**, **Nguyễn Thị Ái V** và ông **Võ Hoàng Lê N3**; Đối với số tiền: 870.000.000 đồng chiếm đoạt của bị hại bà **Phan Thị Thu H1** bị cáo **L** và bị cáo **C** dùng số tiền trên để trả nợ cho bà **Nguyễn Thị Tố N1**, **Hoàng Thị L2**, **Nguyễn Thị Ái V**, ông **Nguyễn Thành T2**. Đối với số tiền: 3.000.000.000 đồng chiếm đoạt của bị hại bà **Nguyễn Thị H2**; bị cáo **L2** và bị cáo **C** dùng số tiền trên trả nợ cho ông **Nguyễn Thành T2**, **Võ Hoàng Lê N3** và bà **Phan Thị Thanh N4**, **Lê Cẩm Phương N2**, **Bùi Thị Ánh T3**, **Nguyễn Thị Tố N1** và **Văn Thị Kim N**.

Như vậy, tổng số tiền 4.868.000.000 đồng là số tiền thuộc sở hữu của các bị hại **Hoàng Văn S**, **Phan Thị Thu H1**, **Nguyễn Thị H2** do bị cáo **L2** và bị cáo **C** chiếm đoạt, phải được trả lại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 3 Điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự. Trong vụ án này,

mặc dù bị cáo L2 và bị cáo C dùng phần lớn số tiền nêu trên trả nợ cho 06 người gồm: Nguyễn Thị Ái V; Võ Hoàng Lê N3; Nguyễn Thị Tố N1, Phan Thị Thanh N4; Lê Cẩm Phương N2; Bùi Thị Ánh T3 thì những người này cũng không có quyền sở hữu hợp pháp đối với số tiền này. Vì vậy, việc Tòa án sơ thẩm không đưa 06 người nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để tuyên buộc họ có trách nhiệm trả lại số tiền thực nhận cho các bị hại Hoàng Văn S, Phan Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2 là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS và điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bị hại, là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HSST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về phần trách nhiệm dân sự.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng trị để điều tra xét xử lại theo quy định pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Tồn